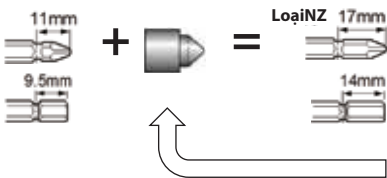


Mũi cho máy khoan và vặn vít

Có thể thay từ loại mũi MZ sang loại NZ

Loại MZ



Mã số
322279-6

Loại đầu mũi vít

Phillips (PH)	PZ	Lục giác (H)	T	TH	Vuông (SQ)	Có rãnh (SL)

1. Mũi vít (hình C)

Mũi vít vi hình chữ C bộ 3 cái



Kích cỡ		Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
	Ph 1	25	C	3	B-23450
	Ph 2	25	C	3	B-23466
	Pz 2	25	C	3	B-23494
	T 8	25	C	3	B-23581
	T 20	25	C	3	B-23612
	T 40	25	C	3	B-23656
	H 1.5	25	C	3	B-23662
	H 3.0	25	C	3	B-23690
	H 4.0	25	C	3	B-23709
	H 5.0	25	C	3	B-23715
	H 6.0	25	C	3	B-23721
	H 8.0	25	C	3	B-23737

Hũ vít nhỏ chứa mũi vít hình chữ C (100 cái)



Kích cỡ		Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
	PH 2	25	C	100	B-24876
	PZ 2	25	C	100	B-24882



Mũi Torsion (hình C)



Kích cỡ		Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
	Ph 1	25	C	2	B-28329
	Ph 2	25	C	2	B-28335
	Ph 2	25	C	5	B-28357

Mũi hạt Torsion cho gỗ (hình C)



Kích cỡ		Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
	Ph 2 (Hạt)	25	C	2	B-28488

Mũi hạt Torsion cho kim loại (hình C)



Kích cỡ		Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
	PH 2 (Enduro)	25	C	2	B-28503

2. Mũi vít (hình E)

Hũ vít nhỏ chứa mũi vít hình chữ E (100 cái)



Có nam châm



Chuôi lục giác 1/4" (NZ)

Kích cỡ		Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
	Ph 2	50	NZ-B	50	B-25177

Túi nhựa chứa mũi vít hình E 50 cái



Có nam châm



Chuôi lục giác 1/4 (MZ)

Kích thước		Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
	Ph 2	50	MZ-B	50	B-26593

Mũi Phi-lip (hình E)

Chuôi lục giác 1/4" (NZ)

Kích cỡ	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
SL 0.6x5.0	45	NZ-B	3	798301-5
SL0.8x6.0	70	NZ-B	3	798298-8
SL1.0x6.35	45	NZ-B	3	798299-6
SL1.2x8.0	45	NZ-B	3	798300-7
SL1.2x8.0	70	NZ-B	3	798302-3
SL1.2x10.0	52	NZ-B	3	798303-1
SL1.4x10.0	52	NZ-B	1	784018-6
SL1.2x10.0	70	NZ	3	798304-9

Bộ mũi vít cho máy vặn vít 5 cái



Chuôi lục giác 1/4" (NZ)

Kích cỡ	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Dùng cho máy	Mã số
PH 2	122	NZ-B	5	DFR440, 6845, 6841R	A-45858
PH 2	132	NZ-B	5	6833 series, 6835D	A-16536
PH 2	162	NZ-B	5	6842, 6843, DFR540, DFR550	B-10481
PH 2	182	NZ-B	5	6844, DFR750	B-10475

Mũi vít Torsion bạc



Có nam châm

* Đóng gói tại Nhật Bản

Chuôi lục giác 1/4" (Loại NZ)



Kích cỡ	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
PH2 (mỏng)	65	NZ-B	3	A-57473 *
PH2 (mỏng)	85	NZ-B	3	A-57489 *
PH2 (mỏng)	100	NZ-B	3	A-57495 *
PH2 (mỏng)	120	NZ-B	3	A-57504 *

Mũi vít Torsion (hình E)



Có nam châm



Chuôi lục giác 1/4" (MZ)

Kích thước (mm)	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
Ph 1	50	MZ-B	2	B-28167
PH 2 (Dbl-torsion)	50	MZ-B	2	B-39160
Ph 3	50	MZ-B	2	B-28189

Kích thước (mm)	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
T 10	50	MZ-B	2	B-28226
T 15	50	MZ-B	2	B-28232
T 20	50	MZ-B	2	B-28248
T 25	50	MZ-B	2	B-28254
T 30	50	MZ-B	2	B-28260
SQ 2	50	MZ-B	2	B-28204
SQ 3	50	MZ-B	2	B-28210

Mũi vít Torsion cho gỗ



Có nam châm

Chuôi lục giác 1/4" (Loại MZ)

Kích thước (mm)	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
PH 2 (Grip)	50	MZ-B	2	B-28307

Mũi vít Torsion cho kim loại



Có nam châm

Chuôi lục giác 1/4" (Loại MZ)

Kích cỡ	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
Ph 2 (Enduro)	50	MZ-B	2	B-28313

Bộ vít Torsion 2 đầu



Có nam châm

Chuôi lục giác 1/4" (Loại MZ)

Kích thước (mm)	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
PH 2	50	MZ-B	10	B-42874-10

3. Mũi vít 2 đầu

Bộ mũi vít 2 đầu 10 cái



Có nam châm

Loại chuôi 1/4" (NZ)

Kích thước (mm)	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
Ph 2	45	NZ-C	10	D-34827
Ph 2	45	NZ-C	10	D-33679
Ph 2	110	NZ-C	10	D-34833

Loại chuôi thẳng

Ph 2	110	NZ-C	100	D-65551
------	-----	------	-----	---------

Lọ chứa mũi vít 100 cái



Có nam châm

TIẾT KIỆM HƠN khi mua 1 hộp
Giá từng mũi ưu đãi hơn so với các loại khác



Đuôi lục giác 1/4" (loại NZ)

Kích thước (mm)		Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
	Ph 2	65	NZ-C	100	D-31653
	Ph 2	65	NZ-C	100	D-65539

Mũi Phi-lip

Chuôi lục giác 1/4"(6.35mm) (Loại NZ)

Kích thước (mm)		Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
	Ph 2	45	NZ-C	3	798308-1
	Ph 2	45	NZ-C,Hard	1	784229-3
	Ph 2	65	NZ-C	3	798309-9
	Ph 2	65	NZ-C	1	784203-1
	Ph 2	65	NZ-C,Hard	1	784230-8
	Ph 2	110	NZ-C	3	798337-4
	Ph 2	110	NZ-C	1	784206-5
	Ph 2	150	NZ-C	3	798338-2
	Ph 2	250	NZ-C	1	784221-9
	Ph 3	45	NZ-C	3	798310-4
	Ph 3	65	NZ-C	3	798311-2
	Ph 3	110	NZ-C	3	798339-0
	Ph2 - SL0.8	45	NZ-C	1	784614-0

Mũi vít Torsion 2 đầu



Có nam châm

10x Life



Chuôi lục giác 1/4"(Loại MZ)

Kích cỡ		Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
	Ph 1	65	MZ-C	3	B-21836
	Ph 1	85	MZ-C	3	B-21842
	Ph 1	110	MZ-C	3	B-21858
	Ph 2	65	MZ-C	3	B-20703
	Ph 2	85	MZ-C	3	B-12326
	Ph 3	65	MZ-C	3	B-21870
	Ph 3	110	MZ-C	3	B-21892

Chuôi lục giác 1/4"(Loại NZ)

	Kích cỡ	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
	Ph 1	65	NZ-A	3	798307-3 (Số lượng có hạn)
	Ph 2	110	NZ-B	3	798336-6 (Số lượng có hạn)

*Đóng gói tại Nhật Bản

Kích cỡ		Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
	Ph 1(Mông)	65	NZ-C	3	A-52881*
	Ph 2	65	NZ-C	3	A-49563*
	Ph2	65	NZ-C	6	A-49579*
	Ph2	85	NZ-C	3	A-49585*
	Ph2	110	NZ-C	3	A-49600*
	Ph2	150	NZ-C	3	A-50120*
	PH2 (Slim)	65	NZ-C	3	A-50924 *
	PH2 (Slim)	85	NZ-C	3	A-50952 *
	PH2 (Slim)	110	NZ-C	3	A-50980 *

Mũi vít Torsion 2 đầu

Có thể sử dụng cả 2 đầu.



Có nam châm



Chuôi lục giác 1/4" (Loại MZ)

Kích cỡ		Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
	Ph1	65	MZ-C	3	B-45129
	Ph1	90	MZ-C	1	B-45157
	Ph3	150	MZ-C	1	B-45200

Bộ mũi vít và nam châm tăng lực hút

Impact GOLD



Có nam châm



Chuôi lục giác 1/4"(NZ)

Kích cỡ		Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
	Ph 2	65	NZ-C	1	B-30483

Mũi vít Torsion bạc 2 đầu



Có nam châm

20x
Life

* Đóng gói tại Nhật Bản

Chuôi lục giác 1/4" (Loại NZ)

	Kích cỡ	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
+	Ph2	90	NZ-C	3	A-59570*
	Ph2	120	NZ-C	3	A-59586*
	PH2 (mỏng)	120	NZ-C	3	A-59617*
	Ph2	150	NZ-C	3	A-59592*
	PH2 (mỏng)	150	NZ-C	3	A-59623*

4. Dẫn hướng vặn vít

Đầu giữ mũi từ tính cho máy bắt vít



Có nam châm

Chuôi lục giác 1/4" (MZ)



Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
60	MZ-B	1	784811-8
76	MZ-B	1	784801-1

Dẫn hướng vặn vít

Ngăn ngừa vít bị nghiêng và hướng vít theo chiều thẳng đứng



Có nam châm



Chuôi lục giác 1/4" (MZ)

Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
80mm	MZ-B	1	B-48751
120mm	MZ-B	1	B-48767

Dẫn hướng vặn vít loại trong suốt

Ngăn ngừa vít bị nghiêng và hướng vít theo chiều thẳng đứng. Có thể thấy mũi vít đang khoan



Có nam châm



Chuôi lục giác 1/4" (MZ)

Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
120mm	MZ-B	1	B-52934

Đầu giữ mũi Torsion



Có nam châm



Impact GOLD

2x
Life

Chuôi lục giác 1/4" (MZ)

Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
66	MZ-B	1	B-28525

Đầu giữ mũi Ultra mag torsion



Với nam châm mạnh



Impact GOLD

2x
Life

Chuôi lục giác 1/4" (MZ)

Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
79	MZ-B	1	B-28531

Đầu vít dẻo

Phụ kiện linh động dùng cho việc siết cứng trong góc



Tổng chiều dài (mm)	Mã số
200mm	B-29072
300 mm	B-29094

Đầu vít dẹt

Có thể sử dụng với máy vặn vít

Phụ kiện linh động dùng cho việc siết cứng trong góc



Tổng chiều dài (mm)	Loại chuôi	Mã số
300mm	NZ-B	B-51851

5. Đầu tuýp vặn vít

Mũi vặn vít có nam châm



Có nam châm



Chuôi lục giác 1/4"

Kích cỡ	A(mm)	Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
M3.5	6	50	MZ hoặc NZ	1	B-38912
M4	7	50	MZ hoặc NZ	1	B-38928
M5	8	50	MZ hoặc NZ	1	B-38934
M6	10	50	MZ hoặc NZ	1	B-38940
M8	12	50	MZ hoặc NZ	1	B-38956
M8	13	50	MZ hoặc NZ	1	B-38962

Bộ mũi vặn vít có nam châm 5 cái



Có nam châm

Chuôi lục giác 1/4" (MZ)



A(mm)	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
6,8,10,12,13	50	MZ-B	1 cái mỗi loại	B-39176

Đầu tuýp vặn ốc



Có nam châm

Chuôi lục giác 1/4" (NZ)



A(mm)	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
8	50	NZ	50	B-68345

Mũi vặn vít có nam châm



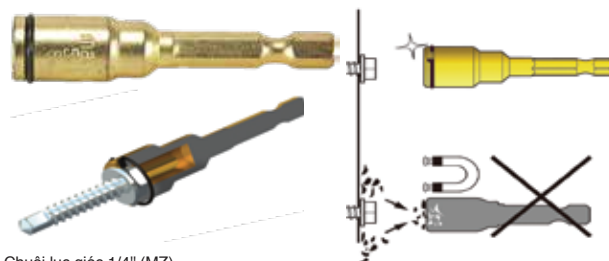
Có nam châm



A(mm)	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
8,10,12,13	48	-	4	B-57554

Phụ kiện đầu nối

Impact GOLD



Chuôi lục giác 1/4" (MZ)

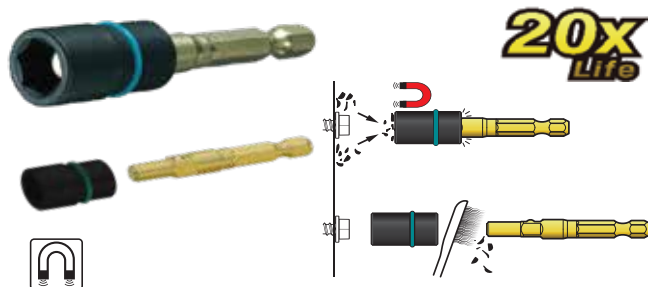
Kích thước	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
8mm(5/16")	50	MZ-B	1	B-28569

Chuôi lục giác 1/4" (NZ)

Kích thước	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
8mm(5/16")	50	NZ-B	1	B-30455

Mũi tuýp lục giác có thể tháo rời

Impact GOLD



Có nam châm

* Chuôi 1 cái. + Tuýp 1 cái.

Chuôi lục giác 1/4" (MZ)

Kích thước	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
8mm(5/16")	61mm	MZ-B	1*	B-40266



6. Bộ mũi vít

Bộ mũi vít 12 cái có để giữ vít có nam châm

Chuôi lục giác 1/4" (NZ)



PH1, PH2, PH3 x 25mm, PZ1, PZ2, PZ3 x 25mm

T10, T15, T20, T25, T30 x 25mm

Đầu giữ mũi có từ loại NZ

Mã số

D-31011-12

Bộ mũi vít & socket 21 cái

- PH1, PH2, PH3 x 25mm,
- PZ1, PZ2 x 25mm
- SL0.8x5.5, SL1.2x6.5 x 25mm,
- T20, T25, T30 x 25mm
- H4, H6 x 25mm
- Socket: H5, H6, H8, H10, H12, H13
- Mũi lục giác có từ tính MZ



Mã số

B-54081

Bộ mũi vít 31 cái kiểu vỏ pin

- PH0, PH1, 4xPH2, PH3 x 25mm, PZ0, PZ1, 4xPZ2, PZ3 x 25mm
- SL4.5, SL5.5, SL6.5 x 25mm, T10, T15, 2xT20, 2xT25, T27, T30, T40 x 25mm,
- H3, H4, H5, H6 x 25mm



Loại chuôi

NZ

Mã số

B-69901

Hộp đựng mũi vít hình pin

Mã số

B-69917

Bộ mũi vít 37 cái

Có nam châm

- Ph0, Ph1, 2xPh2, Ph3 x 25mm, Pz0, Pz1, 2xPz2, Pz3 x 25mm
- SL0.5x4.0, SL0.6x4.5, SL1.0x5.5, SL1.2x6.5 x 25mm
- T10, 2xT15, 2xT20, 2xT25, T27, 2xT30, T40 x 25mm
- T10H, T15H, T20H, T25H, T27H, T30H, T40H x 25mm
- H3, H4, H5, H6 x 25mm



Mã số

B-28606-10

Bộ mũi vít nhiều màu 43 cái

- PH1, 2xPH2, PH3 x 25mm, PZ1, 2xPZ2, PZ3 x 25mm
- SL3.0, SL4.0, SL4.5, SL5.5 x 25mm, T10, 2xT15, 2xT20, T25, T27, T30, T40 x 25mm
- T10H, T15H, T20H, T25H, T27H, T30H, T40H x 25mm, H3, H4, H5, H6
- PH2 x 75mm, PZ2 x 75mm, SL4.5 x 75mm
- Nam châm nutsetter 6,8,10mm
- Đầu giữ mũi 60mm
- Vít dẫn hướng 80mm



Loại chuôi

MZ/NZ

Mã số

B-55697

Bộ mũi vít Torsion 11 cái

Chuôi lục giác 1/4" (MZ)

- PH1, PH2, PH3 x 25mm
- PZ1, PZ2, PZ3 x 25mm
- T15, T20, T25, T30 x 25mm

Đầu giữ mũi Torsion



Mã số

B-28597

- PH1, PH2, PH3 x 25mm, PZ1, PZ2, PZ3 x 25mm

- T15, T20, T25, T30 x 25mm

Đầu giữ mũi Ultra

Mã số

B-30754

7. Đầu nối socket/ socket**29. Đầu chuyển đổi tuýp lục giác**

Cho phép máy bắt vít có thể siết chặt hoặc nới lỏng bu-lông và đai ốc



Chuôi lục giác 1/4" (NZ)

Kích cỡ	Chiều dài(mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
SQ 3/8"	50	NZ-B	1	B-54689
SQ 1/2"	50	NZ-B	1	B-54695
SQ 1/2"	55	NZ-B	1	A-32415 (Số lượng có hạn)

Bộ đầu tuýp siết bu lông có đầu chuyển đổi (9 cái)

8mm, 10mm, 12mm, 13mm, 14mm, 15mm, 17mm and 18mm

Socket cho máy vặn vít 3/8", 8mm, 10mm, 12mm, 13mm, 14mm, 15mm, 17mm, 18mm.

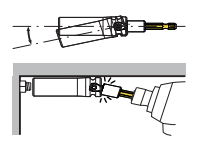
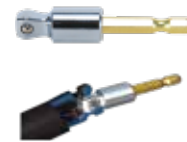
Đầu chuyển đổi socket:

Chuôi lục giác 1/4" 3/8"

Kích cỡ	Loại chuôi	Cái/bộ	Mã số
SQ 3/8"	NZ	9	B-55778
SQ 1/2"	NZ	9	B-55762

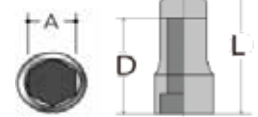
Đầu nối

Impact GOLD



Chuôi lục giác 1/4" (MZ)

Kích cỡ	Chiều dài (mm)	Loại	Cái/hộp	Mã số
SQ 3/8"	56	MZ-B	1	B-28547
SQ 1/2"	56	MZ-B	1	B-28553

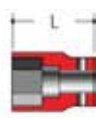
Đầu tuýp siết bu lông chuôi vặn vít

Chuôi lục giác 1/4" (NZ)

A(mm)	D(mm)	L(mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
8	50	90	NZ-B	1	A-58914
10	50	90	NZ-B	1	A-58920
12	50	90	NZ-B	1	A-58936
13	50	90	NZ-B	1	A-58942
14	50	90	NZ-B	1	A-58958
17	50	90	NZ-B	1	A-58964
19	50	90	NZ-B	1	A-58970
21	50	90	NZ-B	1	A-58986
24	50	90	NZ-B	1	A-58992

8. Đầu tuýp

Đầu tuýp/ móc treo



Dùng cho máy siết bu lông 3/8"

A(mm)	L(mm)	Mã số	A(mm)	L(mm)	Mã số
6	28	B-39883	15	28	B-39970
7	28	B-39899	16	28	B-39986
8	28	B-39908	17	30	B-39992
9	28	B-39914	18	30	B-40004
10	28	B-39920	19	30	B-40010
11	28	B-39936	20	30	B-40026
12	28	B-39942	21	30	B-40032
13	28	B-39958	22	30	B-40048
14	28	B-39964			

Đầu tuýp / số lượng lớn



Cho máy siết bu lông 1/2" (12.7mm)

*3 cái/bộ

A(mm)	L(mm)	Đầu tuýp	Chốt		Vòng chữ O	
		Mã số	Mã số	Mã số	Mã số	Mã số
10	38	B-10497	*B-54586	268056-1	*B-54542	213396-2
12	38	A-89931	*B-54586	268056-1	*B-54542	213396-2
13	38	134825-1	*B-54586	268056-1	*B-54542	213396-2
14	38	134826-9	*B-54586	268056-1	*B-54542	213396-2
16	38	B-10506	*B-54586	268056-1	*B-54542	213396-2
17	38	134829-3	*B-54592	268056-1	*B-54558	213397-0
19	38	134831-6	*B-54601	268057-9	*B-54564	213398-8
21	38	134838-2	*B-54617	268057-9	*B-54570	213399-6
23	38	134840-5	*B-54617	268057-9	*B-54570	213399-6
24	45	134841-3	*B-54617	268057-9	*B-54570	213399-6
27	50	134844-7	*B-54617	268057-9	*B-54570	213399-6
30	50	134846-3	*B-54617	268057-9	*B-54570	213399-6
32	50	134848-9	*B-54617	268057-9	*B-54570	213399-6
14	52	134828-5	*B-54586	268056-1	*B-54542	213397-0
17	52	134830-8	*B-54592	268056-1	*B-54558	213397-0
19	52	134832-4	*B-54601	268057-9	*B-54564	213398-8
21	52	134833-2	*B-54617	268057-9	*B-54570	213398-8
22	52	134834-0	*B-54617	268057-9	*B-54570	213398-8

Loại sâu

12	75	134867-5	*B-54586	256095-3	*B-54542	213370-0
21	78	134839-0	*B-54617	268057-9	*B-54570	213399-6



Dùng cho máy siết bu-lông 19mm (3/4") đầu siết vuông

A(mm)	L(mm)	Đầu tuýp	Chốt	Vòng chữ O
		Mã số	Mã số	Mã số
17	50	A-85494	-	-
19	50	A-85519	256283-2	213461-7
21	52	A-85531	256283-2	213461-7
22	52	A-85553	256283-2	213461-7
24	52	A-85575	256283-2	213461-7
26	52	134853-6	213461-7	256283-2
27	52	134855-2	213461-7	256283-2
30	52	134857-8	213514-2	256282-4
32	52	134871-4	213514-2	256282-4
35	56	134860-9	213514-2	256282-4
36	56	134862-5	213514-2	256282-4

Loại sâu

17	95	A-85503	-	-
19	95	A-85525	256282-4	213514-2
21	95	A-85547	256282-4	213514-2
22	95	A-85569	256282-4	213514-2
24	95	A-85581	256282-4	213514-2
26	95	134854-4	213514-2	256282-4
27	95	134856-0	213514-2	256282-4
30	95	134858-6	213514-2	256282-4
32	95	134859-4	213514-2	256282-4
35	95	134861-7	213514-2	256282-4
36	95	134863-3	213514-2	256282-4



Dùng cho máy siết bu-lông 25mm (1") đầu siết vuông

35	80	134864-1	256284-0	213570-2
36	80	134865-9	256284-0	213570-2
41	80	134872-2	256284-0	213570-2

Đầu tuýp (loại sâu)



Cho máy siết bu-lông 3/8" đầu siết vuông

A(mm)	L(mm)	Đầu tuýp
		Mã số
7	63	B-55398
8	63	B-55407
9	63	B-55413
10	63	B-55429
11	63	B-55435
12	63	B-55441
13	63	B-55457
14	63	B-55463
15	63	B-55479
16	63	B-55485
17	63	B-55491
18	63	B-55500
19	63	B-55516
20	63	B-55522
21	63	B-55538
22	63	B-55544

Bộ đầu tuýp 9 cái

(Với chốt và vòng chữ O)
8,10,13,16,17,18,19,21,24mm

Kích thước	Mã số
8,10,13,16,17,18,19,21,24mm	D-41517
8,10,12,13,14,16,17,19,21mm	B-66232

Bộ đầu tuýp 14 cái



(*Với chốt và vòng chữ O)

Mũi vít	Kích thước	Mã số
1/2"	10,11,12,13,14,16,17,19,21,22,24,27,30,32mm	*B-52308
3/8"	8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,21,22mm,	B-55550

Socket siết bu lông/ móc treo



Cốt 1/2"



Kích thước	Chiều dài (mm)	Cốt trong	Đầu tuýp	Chốt	Vòng chữ O
			Mã số	Mã số	Mã số
SQ1/2"	75	SQ1/2"	B-55706	B-54586	B-54542
SQ 1/2"	150	SQ 1/2"	B-55712	B-54586	B-54542
SQ1/2"	300	SQ1/2"	B-55728	B-54586	B-54542

Bộ chuyển đổi siết bu lông



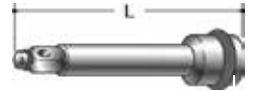
1/4"Hex (NZ)

Kích thước chuôi	Kích thước vít	Mã số	Chốt	Vòng chữ O
			Mã số	Mã số
SQ3/8"	1/4"Hex(NZ)	B-68482	-	-
SQ1/2"	1/4"Hex(NZ)	B-68476	B-54586	B-54558

Thanh nối

(Chốt và vòng chữ O)

Dùng cho vị trí hẹp

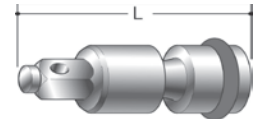


Dùng cho máy	Kích thước	L(mm)	Mã số
6953, 6904VH, 6905B, 6905H, TW0200, TW0350	1/2"	100	134874-8
6910, TW1000	1"	200	134870-6

Đầu nối chung

(Chốt và vòng chữ O)

Dùng cho vị trí hẹp



	Dùng cho máy	Kích thước	L(mm)	Mã số
DC	DTW1002, DTW450, DTW285, DTW284, DTW250, DTW190,	1/2"	84	134877-2
AC	6953, 6904VH, 6905B, 6905H, TW0200, TW0350			

Phụ kiện gắn mũi

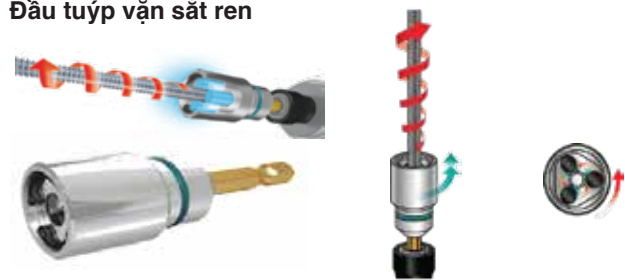
(Chốt và vòng chữ O)



	Máy	Cốt	Mũi vít	Mã số
DC	DTW190,	SQ1/2"	lục giác 6.35(1/4")	134873-0
AC	6904VH, 6953, TW0200			

9. Loại khác

Đầu tuýp vặn sắt ren



Chuôi lục giác 1/4" (MZ)

Kích thước	Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
M6	66	MZ-B	1	B-42961
M8	66	MZ-B	1	B-42977
M10	66	MZ-B	1	B-42983

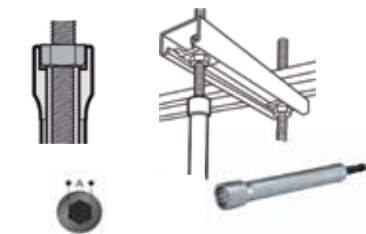
Nam châm tăng lực hút



Chuôi lục giác 1/4" (MZ)



Đầu tuýp vặn ốc sắt ren nổi dài



1/4 lục giác (MZ)

A (mm)	Chiều dài (mm)	Loại chuôi	Cái/hộp	Mã số
13mm	75mm	MZ-B	1	B-52576
13mm	150mm	MZ-B	1	B-52582
13mm	300mm	MZ-B	1	B-52598
13mm	500mm	MZ-B	1	B-52607
13mm	700mm	MZ-B	1	B-52613
17mm	75mm	MZ-B	1	B-52629
17mm	150mm	MZ-B	1	B-52635
17mm	300mm	MZ-B	1	B-52641
17mm	500mm	MZ-B	1	B-52657
17mm	700mm	MZ-B	1	B-52663

Phụ kiện giữ vít chuôi NZ/ Móc giấy



Mã số	Loại chuôi	Mã số
Màu xanh MAKITA	NZ	B-63096
Đen	NZ	B-63105

Bộ mũi khoan đất (gồm socket, chốt và vòng chữ O)



Đường kính mũi (mm)	Chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Mã số
20	600	530	B-54302
25	600	530	B-54318
30	600	530	B-54324
35	600	530	B-54330
40	600	530	B-57576

Socket cho mũi khoan đất



Mã số
B-54380

Chốt cho mũi khoan đất



Mã số
B-54396

Vòng chữ O của socket (dành cho mũi khoan đất)



Mã số
B-54405